TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂNBÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 568/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy là Thư ký của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Bà Lê Thanh Thiện - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 953/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 146/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Phương Q, năm sinh 1978; Địa chỉ thường trú: Số 120 đường C, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn L - Luật sư Văn phòng luật sư Trần Văn L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

Bị đơn: Ông Đoàn Thế P, năm sinh 1970; Địa chỉ thường trú: Số 120 đường C, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Đỗ Thị Phương Q và ông Trần Văn L có tại phiên tòa).

(Ông Đoàn Thế P vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2022, nguyên đơn bà Đỗ Thị Phương Q trình bày: Bà và ông Đoàn Thế P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào

năm 2015 theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 24/6/2015. Sau khi kết hôn được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống, không có sự yêu thương, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn và để ổn định cuộc sống của mỗi người nên bà Q yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Thảo Trâm A, ngày sinh 18/12/2014. Ly hôn, bà Q yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Bà Q xác định vẫn giữ nguyên như yêu cầu khởi kiện.

Ông Trần Văn L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Ông P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Q là có cơ sở và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Q yêu cầu ly hôn với ông P và nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử xét thấy đây là "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét ông P có địa chỉ cư trú tại số 120 đường C, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Q khởi kiện ông P tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Ông P đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử dựa trên yêu cầu khởi kiện và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết và xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông P tự nguyện đăng ký kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố T, tỉnh Long An cấp ngày 24/6/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông P là hợp pháp được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh, bảo vệ. Bà Q cho rằng trong thời gian chung sống với ông P, không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người nên bà Q yêu cầu ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông P đến Tòa án để làm bản tự khai cũng như hòa giải nhưng ông P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến bằng văn bản nên không ghi nhận được ý kiến của ông P. Việc ông P vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án chứng minh ông P không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Q và ông P thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt và hiện không còn sống chung với nhau. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Q là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Xét quan hệ con chung: Bà Q và ông P có 01 con chung tên Đoàn Thảo Trâm A, ngày sinh 18/12/2014. Ly hôn, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không có ý kiến về việc nuôi con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện trẻ Anh hiện ở cùng bà Q và có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận lợi trong việc học tập. Để ổn định cuộc sống và không bị xáo trộn trong việc học của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Anh cho bà Q tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông P do bà Q không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.5] Về án phí: Theo khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Phương Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Phương Q ly hôn ông Đoàn Thế P.

- Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Thảo Trâm A, ngày sinh 18 tháng 12 năm 2014 cho bà Đỗ Thị Phương Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đoàn Thế P do bà Đỗ Thị Phương Q không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Phương Q chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Đỗ Thị Phương Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0032119 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự

quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đỗ Thị Phương Q đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

- Bà Đỗ Thị Phương Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đoàn Thế P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố T, tỉnh Long An (theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/2015 ngày 24/6/2015);
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tuấn Nhu